

BÁO CÁO

**tổng kết thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW ngày 05/8/2008
của Ban Chấp hành Trung ương khóa X
về nông nghiệp, nông dân, nông thôn**

Thực hiện Công văn số 09-CV/BCĐ ngày 10/5/2021 và Kế hoạch số 08-KH/BCĐ ngày 07/5/2021 của Ban Chỉ đạo tổng kết Nghị quyết 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn (sau đây viết tắt là *Nghị quyết 26*) như sau:

Sau khi Ban Chỉ đạo ban hành Công văn số 09 và Kế hoạch số 08, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo ban thường vụ các huyện, thị ủy, thành ủy tổ chức tổng kết thực hiện Nghị quyết 26 (từ cấp xã đến cấp huyện) gắn với đánh giá việc thực hiện Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 19/11/2008 của Tỉnh ủy khóa XVII và Kết luận số 30-KL/TU ngày 26/4/2016 của Tỉnh ủy khóa XIX về phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020 (viết tắt là *Chương trình hành động 29 và Kết luận 30*).

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

I. Công tác tuyên truyền, học tập, quán triệt triển khai thực hiện Nghị quyết 26

Nhận thức được vai trò, ý nghĩa đặc biệt quan trọng của Nghị quyết 26 đối với sự phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã triệu tập Hội nghị Tỉnh ủy (mở rộng) quán triệt nội dung Nghị quyết, thông qua Chương trình hành động thực hiện cho cán bộ chủ chốt của tỉnh; tổ chức Hội nghị học tập, quán triệt Kết luận số 97-KL/TW ngày 15/5/2014 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết 26, Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 26 cho cán bộ chủ chốt của tỉnh. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy hướng dẫn cấp ủy huyện và cơ sở tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền đến cán bộ, đảng viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân.

Các huyện, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức quán triệt Nghị quyết 26, Chương trình 29 cho cán bộ chủ chốt cấp huyện, xã, phường, thị trấn và thông qua chương trình, kế hoạch thực hiện của địa phương, đơn vị; đồng thời, tuyên truyền phổ biến trong các buổi sinh hoạt của nhân dân ở thôn, xóm, tổ dân phố, khu dân cư. Kết quả, các cấp ủy đảng từ tỉnh đến cơ sở đã tổ chức 412 lớp với 48.646 đảng viên, cán bộ, công chức tham dự. Chính quyền các cấp đều xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện, một số nơi đã chủ

động, sáng tạo trong triển khai thực hiện Chương trình đầu tư xây dựng và phát triển nông thôn mới. Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới được thành lập, kiện toàn từ tỉnh đến cơ sở theo quy định của Trung ương, có quy chế làm việc, chương trình, kế hoạch thực hiện, quy định chế độ giao ban, thông tin, báo cáo, kiểm tra và phân công, phân nhiệm cụ thể.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp đã triển khai nhiều cuộc vận động, nhiều chương trình, phong trào sôi nổi, thiết thực, góp phần tích cực trong đầu tư, xây dựng và phát triển nông thôn mới¹. Các cơ quan thông tin đại chúng, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên bằng các hình thức đa dạng, phong phú đã tuyên truyền nội dung, tinh thần Nghị quyết sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân².

Nhìn chung, công tác quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết 26, Kết luận 97, Kết luận 54 được các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị chỉ đạo chặt chẽ, thực hiện nghiêm túc, kịp thời, đồng bộ; tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và nhân dân về vị trí, tầm quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân.

II. Công tác thể chế hóa các chủ trương của Nghị quyết 26

1. Công tác thể chế hóa thực hiện Nghị quyết 26

Để thực hiện hiệu quả Nghị quyết 26, Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động 29; 04 Kết luận và 05 Nghị quyết chuyên đề; Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản để cụ thể hóa triển khai thực hiện (có Biểu số 1 kèm theo).

2. Những chủ trương, chính sách của địa phương đã ban hành

Từ năm 2008 đến nay, tỉnh đã ban hành 24 chính sách để phát triển nông nghiệp, trong đó: 19 chính sách phát triển nông nghiệp; 03 chính sách tổng hợp. Ngoài ra, còn 8 chính sách về lĩnh vực nông nghiệp đang được xây mới, điều chỉnh, thay thế cho phù hợp với tình hình mới (có Biểu số 02 kèm theo).

Phần thứ hai

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

1. Về thực hiện tái cơ cấu, xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại; phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn

1.1. Về tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành

¹ Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” trong giai đoạn mới gắn với xây dựng nông thôn mới; Chương trình nâng cao chất lượng tổ chức và năng lực cán bộ Hội; Chương trình xây dựng các loại hình kinh tế hợp tác trong nông nghiệp; Chương trình tham gia giảm nghèo, dạy nghề và giải quyết việc làm cho nông dân; Chương trình bê tông hóa đường giao thông nông thôn; phong trào Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới”; “Phụ nữ với Cuộc vận động xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”...

² Sở Thông tin và Truyền thông đã phát hành 1.000 đĩa CD, in ấn và phát hành 4.500 tờ gấp tuyên truyền, xây dựng 04 cụm pa nô theo Chương trình giảm nghèo bền vững; trong giai đoạn 2008-2017, mỗi năm Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định và cấp phép xuất bản gần 100 xuất bản phẩm, tài liệu không để tuyên truyền về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Năm 2020, giá trị sản xuất ngành nông nghiệp đạt 16.507,69 tỷ đồng, trong đó nông nghiệp 8.642,52 tỷ đồng, lâm nghiệp 1.264,66 tỷ đồng, thủy sản 6.600,51 tỷ đồng; so với năm 2008, tốc độ tăng trưởng toàn ngành nông nghiệp tăng bình quân 5,58%³. Cơ cấu kinh tế ngành giai đoạn 2008 - 2020 chuyển dịch theo hướng nông nghiệp giảm, lâm nghiệp, thủy sản tăng, cụ thể: nông nghiệp từ 66,8% giảm xuống còn 50,9%, lâm nghiệp từ 3,1% tăng lên 7,71%, thủy sản từ 30,1% tăng lên 41,39%. Tỷ trọng chăn nuôi trong cơ cấu kinh tế nông nghiệp (giai đoạn 2008 – 2020) chuyển dịch theo hướng tăng dần từ 28,0% tăng lên 38,0%.

1.2. Một số kết quả bước đầu thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp

a) *Lĩnh vực trồng trọt*: Tỉnh đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cơ cấu lại các loại cây trồng chủ lực; chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa kém hiệu quả; dồn điền đổi thửa xây dựng cánh đồng lớn, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, đưa cơ giới hóa vào sản xuất... đạt những kết quả sau: Đến nay, đã tuyển chọn được một số bộ giống tốt đưa vào sản xuất⁴, áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến nên năng suất lúa từ 48 tạ/ha (năm 2008) tăng lên 59 tạ/ha (năm 2020); năng suất ngô từ 50,5 tạ/ha (năm 2008) tăng lên 57,6 tạ/ha (năm 2020) và nhiều cây trồng khác đều có năng suất tăng rõ rệt. Đã đưa vào sản xuất đại trà 06 giống mỳ, 08 giống mía, 07 giống ngô, 04 giống lạc; bình tuyển công nhận 03 giống cây ăn quả đầu dòng. Xây dựng được 512 mô hình cánh đồng lớn với diện tích 9.491,6 ha; tổng diện tích chuyển đổi từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây khác 6.153,4 ha⁵, sau chuyển đổi, giá trị sau thu hoạch cao hơn nhiều so với trồng lúa⁶. Dồn điền đổi thửa được thực hiện 7/13 huyện, thị xã, thành phố, 69 xã thực hiện trên khoảng 263 cánh đồng, với tổng diện tích thực hiện cuối năm 2020 là 7.758,5 ha; với tổng kinh phí ngân sách tỉnh hỗ trợ khoảng 116.304,7 triệu đồng; giá trị sau thu hoạch trên 1 ha đất canh tác năm 2020 đạt 76 triệu đồng/ha (năm 2015 khoảng 16,28 triệu đồng/ha). Phát triển vùng chuyên canh sản xuất cây dược liệu tại huyện Ba Tơ, Sơn Hà và Trà Bồng⁷, hiện các loài cây đã trồng đang sinh trưởng và phát triển.

b) *Lĩnh vực chăn nuôi*: Đàn gia súc, gia cầm trong những năm qua tương đối ổn định⁸. Phát triển chăn nuôi theo hướng chuyển dịch cơ cấu chăn nuôi từ quy mô nông hộ nhỏ lẻ sang quy mô nông hộ lớn hơn và quy mô trang trại đang tiến triển tích cực; nhiều doanh nghiệp lớn đã liên kết với người chăn nuôi, áp

³ Trong đó, nông nghiệp tăng 3,31%, (trồng trọt tăng 2,43%, chăn nuôi tăng 5,09%) lâm nghiệp tăng 13,3%, thủy sản tăng 8,52%.

⁴ Các giống lúa có thời gian sinh trưởng trung, ngắn ngày có năng suất cao, chất lượng tốt như DT45, Thiên Ưu 8, Hà Phát 3, Bắc Thịnh, ĐH815-6... cho năng suất bình quân 65-72 tạ/ha; các giống ngô lai như CP 3Q, CP333, TP8208, LVN 17, PAC 789, MK668.

⁵ Các địa phương chuyên đổi cây trồng nhiều nhất là Bình Sơn, Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa Hành.

⁶ Điển hình như cây ngô cho thu nhập bình quân cao hơn 11 triệu đồng/ha, cây lạc 24,58 triệu đồng/ha, cây ớt 132,9 triệu đồng/ha...

⁷ Huyện Ba Tơ và Sơn Hà đã trồng cây Sa nhân tím dưới tán rừng với diện tích 10ha; đã trồng trên diện tích 1.000m² (Sâm 7 lá: 500m², Tam thất bắc: 500m²); huyện Trà Bồng triển khai phát triển cây dược liệu: cây gừng gió, cây Sâm 7 lá và Tam thất, phát triển cây quế với tổng diện tích khoảng 350ha.

⁸ Theo số liệu thống kê, năm 2020 so với năm 2008, đàn trâu tăng 32,8% (17.136 con), đàn bò tăng 0,7% (1.926 con), đặc biệt đàn bò được nâng cao chất lượng thể trọng, tỷ lệ bò lai sinh năm 2008 đạt 38,3% đến năm 2020 tăng lên 73,7%; đàn heo giảm 25% (106.755 con); sản lượng thịt hơi xuất chuồng tăng 71,9% (31.776 tấn).

dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao nâng cao giá trị gia tăng trong sản xuất; đã phê duyệt Dự án cải tiến, nâng cao chất lượng giống bò thịt tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2014 – 2018, đã triển khai 03 dự án cải tạo đàn trâu⁹ trên địa bàn tỉnh. Hiện có khoảng 24 cơ sở nuôi gà trang trại với quy mô khoảng 8.000 - 50.000 con/cơ sở; có trên 441 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm, trong đó có 02 cơ sở giết mổ tập trung có đăng ký kinh doanh. Công tác kiểm tra, giám sát dịch bệnh; công tác quản lý con giống, thức ăn chăn nuôi được thực hiện chặt chẽ.

c) Lĩnh vực lâm nghiệp: Có sự chuyên biến tích cực theo hướng chuyên từ sản xuất chỉ chú trọng phát triển về diện tích và độ che phủ của rừng sang hướng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và phát triển rừng bền vững. Tỉnh đã hoàn thành quy hoạch 3 loại rừng, kiểm kê rừng, đang tích cực lập các quy hoạch và triển khai thực hiện dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng... Mỗi năm, toàn tỉnh trồng rừng tập trung khoảng 12.000 ha, trong đó có khoảng 1.000 ha rừng phòng hộ; khoanh nuôi từ 1.000 - 3.000 ha, quản lý bảo vệ khoảng 130.000 - 135.000 ha. Tính đến cuối năm 2020, độ che phủ rừng ước đạt 51,27%. Sản lượng gỗ khai thác năm 2020 ước đạt 1.870.999 m³, tăng 1.690.299 m³ so với năm 2008. Tỉnh đã ban hành nhiều chủ trương khuyến khích đẩy mạnh phát triển diện tích cây gỗ lớn¹⁰...

d) Lĩnh vực thủy sản:

- *Khai thác thủy sản:* Nghề khai thác thủy sản tỉnh phát triển khá mạnh trong những năm gần đây. Khai thác thủy sản chuyển dịch theo hướng tăng khai thác xa bờ, giảm khai thác gần bờ, giảm dần tàu cá có công suất nhỏ, nâng cấp, cải hoán tàu cá có kích thước và công suất lớn. Đến nay, toàn tỉnh có 5.272 tàu cá, với tổng công suất 1.845.854 CV; sản lượng thủy sản đánh bắt liên tục tăng, từ 89.930 tấn (năm 2008) tăng lên 261.035 tấn (năm 2020), tăng bình quân 9,3% năm; có 299 tổ ngư dân đoàn kết sản xuất trên biển, 12 nghiệp đoàn nghề cá, 08 HTX nghề cá... Tỷ lệ nghề lưới kéo 30,38%, nghề câu 17,93%, nghề lưới vây 11,33%, nghề rê khơi 29,33%. Bên cạnh đó, ngư dân đã phát triển các nghề mới trong khai thác hải sản như: Lưới chụp, lưới rê bùng nhùng (rê xù), nghề câu cá ngừ đại dương, lồng bẫy... nhằm khai thác các đối tượng mới, đạt năng suất cao.

- *Nuôi thủy sản:* Nghề nuôi thủy sản trên biển phát triển nhưng không ổn định; diện tích mặt nước thả nuôi năm 2020 đạt 1.557 ha¹¹, tăng 4,4% so với năm 2008; sản lượng nuôi trồng thủy sản ước đạt 7.878 tấn, tăng 15,5% so với

⁹ 02 dự án thực hiện cải tạo đàn trâu bằng phương pháp sử dụng trâu đực giống để lai tạo ở các huyện Ba Tơ, Sơn Hà, Minh Long, kết quả trâu nghé được sinh ra có khối lượng sơ sinh khoảng 22-25kg, thể chất khỏe, ngoại hình đẹp; 01 dự án Ứng dụng khoa học công nghệ cải tạo đàn trâu địa phương bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo với giống trâu Murrah, khối lượng trung bình nghé sơ sinh có khối lượng khoảng 40 kg/con. Đến năm 2020, đã lai tạo được 179 con trâu F₁ có tầm vóc to, ngoại hình đẹp.

¹⁰ HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 56/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 quy định mức hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn, hỗ trợ khuyến khích trồng cây gỗ nguy cấp, quý hiếm trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1321/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 về phê duyệt Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn; hỗ trợ khuyến khích trồng cây gỗ nguy cấp, quý hiếm trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; tuy nhiên đến nay, diện tích chuyển hóa rừng cây gỗ lớn của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh vẫn chưa nhiều; trong đó, Công ty Lâm nghiệp Ba Tơ đang chuyển hóa trên 2.500 ha keo từ 6-7 năm tuổi sang rừng gỗ lớn (hơn 10 năm tuổi); ước giá trị sau thu hoạch sẽ cao gấp 3-3,5 lần.

¹¹ Trong đó, 565 ha nuôi thủy sản nước lợ (513 ha nuôi tôm), 861 ha nuôi cá nước ngọt.

năm 2008. Chuyển đổi mô hình nuôi tôm kém hiệu quả sang nuôi ốc hương, cá, hải sâm... có năng suất và chất lượng cao

- *Tình hình quản lý khai thác hải sản và bảo vệ biển tại địa phương:*

Tỉnh tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý tàu cá khai thác xa bờ theo các chủ trương của Trung ương¹², tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (khai thác IUU) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi¹³; đã thành lập 04 Văn phòng đại diện kiểm soát nghề cá tại 04 cảng cá¹⁴ Tịnh Kỳ, Tịnh Hòa, Mỹ Á và Sa Huỳnh; có 05 cảng cá được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định là cảng cá có đủ điều kiện xác nhận nguồn gốc thủy sản (Tịnh Kỳ, Tịnh Hòa, Lý Sơn, Mỹ Á và Sa Huỳnh). Công tác kiểm tra tàu cá ra, vào cảng và các nội dung về quản lý khai thác thủy sản theo quy định tại Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; xử lý triệt để hành vi cố tình vi phạm khai thác hải sản ở vùng biển nước ngoài và vi phạm khai thác IUU dưới mọi hình thức, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật theo quy định tại Nghị định số 42/2019/NĐ-CP ngày 16/5/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh đã chỉ đạo các đồn, trạm kiểm soát biên phòng tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát tàu cá xuất nhập bến,...

d) Lĩnh vực diêm nghiệp: Diện tích sản xuất muối biển động theo từng năm; năm 2008, diện tích sản xuất muối là 102 ha, sản lượng thu hoạch là 5.000 tấn, đến năm 2020 diện tích sản xuất muối đạt 83 ha, sản lượng muối hàng năm dao động từ 6.500 tấn đến 7.400 tấn, giá muối thấp nên diêm dân gặp nhiều khó khăn. Hiện nay, trên địa bàn có 01 cơ sở chế biến muối bán cơ giới quy mô hộ gia đình, với tổng công suất chế biến khoảng 300 tấn muối nguyên liệu/năm; có 03 Công ty sản xuất, kinh doanh muối nguyên liệu, muối tinh và muối Iốt với công suất 5000 tấn sản phẩm/năm; nguồn nguyên liệu muối chủ yếu được lấy từ tỉnh Bình Định, Khánh Hòa (do sản lượng mua từ Sa Huỳnh rất ít, chất lượng chưa cao).

e) Lĩnh vực thủy lợi: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có trên 760 công trình thủy lợi¹⁵ phục vụ tưới với tổng năng lực tưới theo thiết kế là 89.428 ha; năng lực khai thác tưới thực tế của các công trình là 58.203 ha. Tổng chiều dài hệ thống kênh mương là 4.275 km¹⁶, đảm bảo tưới chủ động cho 100% diện tích lúa 02 vụ, cây công nghiệp ngắn ngày và cây rau màu với tần suất đảm bảo tưới lên 85%; cấp nước cho sinh hoạt và công nghiệp với mức đảm bảo trên 90%; tạo nguồn và cấp nước cho diện tích nuôi trồng thủy sản và sản xuất muối. Toàn tỉnh hiện có 56,46

¹² Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 13/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về phòng chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định; Chỉ thị số 689/CT-TTg ngày 18/5/2010 và Công điện số 732/CĐ-TTg ngày 25/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

¹³ Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 16/6/2020 UBND tỉnh.

¹⁴ Theo Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 13/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

¹⁵ Bao gồm: 124 hồ chứa nước; 459 đập dâng, 06 đập ngăn mặn và 135 trạm bơm.

¹⁶ Chiều dài kênh loại I, II là 1.224 km; chiều dài kênh loại III 3.051 km

km kè lát mái, 87,93 km đê và 4,69 km mở hàn cơ bản đảm bảo chống sạt lở bờ sông, bảo vệ các khu dân cư, đất sản xuất và cơ sở hạ tầng quan trọng, thiết yếu.

g) *Về phát triển công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn*: Đến nay, toàn tỉnh có 23 cụm công nghiệp (CCN) được hình thành với tổng diện tích 329 ha, trong đó có 18 CCN với diện tích 299 ha đã đầu tư xây dựng và thu hút các dự án sản xuất kinh doanh hoạt động trong CCN. Từ nguồn Chương trình khuyến công và xúc tiến thương mại giai đoạn 2016 – 2020 về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, công nghiệp nông thôn: (1) Giai đoạn 2016 - 2017, toàn tỉnh đạt 23 sản phẩm cấp tỉnh, 11 sản phẩm cấp khu vực, 04 sản phẩm cấp quốc gia; (2) Giai đoạn 2018 – 2019, toàn tỉnh đạt 24 sản phẩm cấp tỉnh, 05 sản phẩm cấp khu vực, 02 sản phẩm cấp quốc gia; (3) Giai đoạn 2020 – 2021, toàn tỉnh đạt 22 sản phẩm cấp tỉnh, 11 sản phẩm cấp khu vực và Bộ Công Thương đang tổ chức bình chọn cấp quốc gia. Hằng năm, tỉnh đã tổ chức, chỉ đạo triển khai cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, tổ chức từ 3-4 phiên chợ “Đưa hàng Việt về nông thôn và miền núi, hải đảo”; triển khai 09 điểm bán hàng Việt với tên gọi “Tự hào hàng Việt Nam”, các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp địa phương đã tiếp cận với khách hàng và những doanh nghiệp phân phối lớn. Tuy nhiên, trong năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid – 19 nên hoạt động xúc tiến thương mại (Hội chợ, triển lãm) tạm dừng tổ chức, một số mặt hàng xuất khẩu đi Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản,... gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là các mặt hàng nông sản (dưa hấu, ớt), tinh bột mì, thủy sản, dăm gỗ,...

2. Kết quả thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới gắn với xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn và đô thị hóa

2.1. Về kết quả thực hiện Chương trình nông thôn mới

Sau hơn 10 năm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, cùng với nguồn ngân sách Trung ương, tỉnh đã chủ động cân đối bố trí ngân sách địa phương cho việc thực hiện Chương trình, ngoài ra đã huy động được sự đóng góp của các doanh nghiệp và mọi tầng lớp nhân dân cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, đặc biệt nhiều hộ dân tự nguyện hiến đất, góp tiền, ngày công lao động để thực hiện phong trào... góp phần hoàn thành một số tiêu chí nông thôn mới. Đến cuối năm 2020, số tiêu chí nông thôn mới bình quân/xã đã tăng hơn 10 tiêu chí so với năm 2011. Số huyện đạt chuẩn nông thôn mới: 02 huyện (Tư Nghĩa và Nghĩa Hành) đạt vượt kế hoạch do Trung ương giao (01 huyện), đạt 33,3% KH do tỉnh giao; số xã đạt chuẩn nông thôn mới là 89/148 xã¹⁷, đạt vượt KH do Trung ương giao (80 xã), đạt kế hoạch do tỉnh giao (89 xã); số xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí: 6 xã, số xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí: 42 xã, số xã đạt từ 5 - 9 tiêu chí là: 11 xã, không còn xã dưới 5 tiêu chí.

2.2. Kết quả xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn và đô thị hóa nông thôn

¹⁷ Đến cuối năm 2019 đã có 83 xã đạt chuẩn NTM, tuy nhiên Nghị quyết số 867/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 thì đến ngày 01/02/2020 tỉnh Quảng Ngãi giảm 18 xã, trong đó giảm 13 xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

- Tổng vốn ngân sách Trung ương, tỉnh đầu tư trực tiếp từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cho phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội: 5.327.572 triệu đồng; trong đó, tổng số km đường huyện, đường xã, đường trục thôn (xóm, bản), đường trục nội đồng được xây mới: 3.051km¹⁸; được cải tạo nâng cấp: 1.106 km¹⁹; xây mới 292 cầu, cải tạo sửa chữa 52 cầu; kiên cố hóa hơn 436 km kênh mương...

- Hệ thống lưới điện được tập trung đầu tư nâng cấp và xây dựng mới, cơ bản đã phủ khắp và đảm bảo cung cấp đủ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt ở nông thôn, đã góp phần quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống của người dân khu vực nông thôn.

- Hệ thống trường học được quan tâm đầu tư theo hướng chuẩn hóa, phục vụ cho việc nâng cao chất lượng dạy và học, đã đầu tư xây mới, nâng cấp được hơn 195 trường học với khoảng kinh phí 335.541,38 triệu đồng. Xây mới và nâng cấp 465 cơ sở vật chất văn hóa, với tổng kinh phí 334.930 triệu đồng. Nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn tiếp tục được chú trọng, tỷ lệ hộ dân khu vực nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đến cuối năm 2020 đạt 95%. Cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn nhân lực y tế được tăng cường đầu tư, chuyển giao thành công cho các cơ sở y tế vùng nông thôn, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa.

3. Về xóa đói giảm nghèo, phát triển y tế, giáo dục, văn hóa xã hội nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn

3.1. Về công tác xóa đói giảm nghèo: Trong giai đoạn 2008 – 2020, tổng nguồn vốn bố trí để thực hiện các dự án, chính sách giảm nghèo là 10.780.228,99 triệu đồng. Các chính sách, dự án giảm nghèo được triển khai đồng bộ, kịp thời đã mang lại hiệu quả cao, điều kiện sống của người nghèo được cải thiện rõ rệt, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh: Giai đoạn 2011 – 2015, bình quân mỗi năm giảm 2,94%, đạt mục tiêu đề ra (*bình quân giảm từ 2-3%/năm*); Giai đoạn 2016 – 2020, bình quân mỗi năm giảm 1,76%, đạt mục tiêu đề ra (*bình quân giảm từ 1,5 – 2%/năm*).

- Tỷ lệ hộ nghèo hàng năm giảm mang tính bền vững, hạn chế tối đa tái nghèo. Giai đoạn 2011 - 2015, tỷ lệ hộ tái nghèo 5,69% trong tổng số hộ thoát nghèo thì đến giai đoạn 2016 - 2020, tỷ lệ hộ tái nghèo chiếm 2,81% so với hộ thoát nghèo.

3.2. Về lĩnh vực y tế: Hoạt động khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân được tăng cường. Công tác kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở thực phẩm được tăng cường. Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản và cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em, tiêm chủng mở rộng được chú trọng triển khai. Đến năm 2020, có 153/173 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn, đạt tỷ lệ 88,44%; số giường bệnh/vạn dân đạt 29,5 giường; số bác sĩ/vạn dân đạt 7,45; tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt khoảng 96,25%.

¹⁸ Đường huyện: 448 km; đường xã: 923 km; đường trục thôn (xóm, bản), đường trục nội đồng: 1.680 km

¹⁹ Đường huyện: 306 km; đường xã: 163 km; đường trục thôn (xóm, bản), đường trục nội đồng 638Km

3.3. *Về lĩnh vực giáo dục:* Tháng 12/2008, Quảng Ngãi được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập trung học cơ sở. Tháng 6/2019 đến nay, toàn tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi. Đến nay, có 105/209 trường Mầm non (tỷ lệ 50,24%), 125/154 trường Tiểu học (tỷ lệ 81,17%), 114/132 trường THCS (tỷ lệ 86,36%), 12/52 trường 02 cấp học Tiểu học – Trung học cơ sở (tỷ lệ 28,85%), 25/38 trường trung học phổ thông (tỷ lệ 65,76%) đạt chuẩn quốc gia.

3.4. *Về lĩnh vực văn hóa - xã hội:* Xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở được chú trọng; hệ thống các thiết chế văn hóa từng bước được xây dựng; các hoạt động văn hóa ngày càng phong phú, đa dạng, giữ được bản sắc dân tộc, cơ bản đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Đến nay, toàn tỉnh có 01 di tích quốc gia đặc biệt (địa điểm cuộc khởi nghĩa Ba Tơ), 31 di tích quốc gia, 134 di tích cấp tỉnh, 07 di tích văn hóa phi vật thể quốc gia, 03 bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh. Đội Tuyên truyền Văn hóa (thuộc Trung tâm Văn hóa nghệ thuật tỉnh) đã thực hiện hơn 600 buổi biểu diễn văn nghệ kết hợp tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị tại các huyện miền núi, vùng nông thôn. Triển khai và phát triển sâu rộng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”; triển khai các hoạt động thuộc mô hình du lịch cộng đồng²⁰ nhằm khai thác và phát triển du lịch của từng địa phương.

4. ĐỔI MỚI VÀ XÂY DỰNG CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC SẢN XUẤT, DỊCH VỤ Ở NÔNG THÔN

4.1. Về kết quả thực hiện đổi mới và xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ

Việc đổi mới và xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ có hiệu quả ở nông thôn được thể hiện qua việc tổ chức lại sản xuất, từ kinh tế hộ gia đình phát triển lên trang trại, tổ hợp tác phát triển thành hợp tác xã; nhiều hợp tác xã được sáp nhập, hợp nhất thành hợp tác xã quy mô lớn hơn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động. Đến cuối năm 2020, toàn tỉnh có 210 hợp tác xã nông nghiệp; doanh thu trung bình của 01 HTX: 1.500 triệu đồng/năm; lợi nhuận trước thuế của HTX: 75 triệu đồng/năm; thu nhập bình quân từ lương của người lao động làm việc thường xuyên trong HTX: 35 triệu đồng/năm. Có 18 tổ hợp tác nông nghiệp²¹; hoạt động của tổ hợp tác chủ yếu: trao đổi kinh nghiệm sản xuất, hỗ trợ nhau về giống mới, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; cung cấp thông tin và tiêu thụ sản phẩm; phát huy được nội lực của các thành viên trong việc huy động vốn để phục vụ sản xuất,...

4.2. Kết quả thực hiện đào tạo nghề nông thôn

Trong 10 năm (2010 - 2020), có 14.741/15.290 lao động nông thôn được hỗ trợ học nghề nông nghiệp theo chính sách của Đề án 1956, đạt 96,4 % so với kế hoạch. Các nhóm nghề nông nghiệp được đào tạo chủ yếu: Trồng và khai thác

²⁰ Điển hình: Phát triển mô hình sản phẩm trải nghiệm du lịch cộng đồng tại Lý Sơn.

²¹ Trồng trọt là 04, chăn nuôi là 07, thủy sản là 05, điều tiết nước là 02.

rừng; trồng rau an toàn; sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi; chăn nuôi gia súc gia cầm; kỹ thuật sơ chế bảo quản hoa màu; trồng nấm; phòng chống dịch gia súc gia cầm, chế biến nấm; chế biến thủy sản; thuyền trưởng máy trưởng. Qua đó, chất lượng lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh đã có bước cải thiện, đặc biệt là đối tượng chính sách, người dân tộc thiểu số, người nghèo... được chuyển giao kiến thức khoa học kỹ thuật, kỹ năng nghề. Số người có việc làm (tự tạo việc làm hoặc làm nghề cũ) chiếm tỷ lệ lớn trên 80%.

5. Về phát triển nhanh nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, tạo đột phá để hiện đại hóa nông nghiệp, công nghiệp hóa nông thôn

Hoạt động khoa học và công nghệ trong những năm qua đã có nhiều đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nhiều thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật được áp dụng rộng rãi vào các lĩnh vực sản xuất và đời sống. Ngoài việc đưa cơ giới hóa vào sản xuất, tỉnh đã tăng cường ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ về giống cây, con²²; xây dựng mô hình sản xuất phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội từng vùng sinh thái, tạo ra sản phẩm nông nghiệp có giá trị, nâng cao hiệu quả sản xuất, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp²³. Tỉnh đã xác lập nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm nông sản truyền thống²⁴; bảo đảm diện tích đất lúa theo quy định của Trung ương, hạn chế tối đa việc chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào các mục đích phi nông nghiệp; quản lý chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng đất; thực hiện chính sách hỗ trợ cho người sản xuất lúa để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa...

Việc đào tạo nguồn nhân lực cho nông nghiệp, nông thôn được chú trọng, đã tập trung đào tạo nghề cho lao động nông thôn với nhiều ngành nghề đa dạng gắn với các chương trình của Trung ương, của tỉnh. Tỉnh đã ban hành các cơ chế, chính sách để thu hút lực lượng lao động có trình độ, tay nghề cao về công tác trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

6. Về đổi mới mạnh mẽ cơ chế, chính sách để huy động các nguồn lực, phát triển nhanh kinh tế nông thôn

Tỉnh đã ban hành Quy định về cơ chế lồng ghép và quản lý các nguồn vốn đầu tư thực hiện phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu giảm nghèo bền vững trên địa bàn 6 huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2017 - 2020²⁵. Giai đoạn 2016 - 2020, đã phân bổ đầu tư cho các huyện miền núi hơn 3.916,295 tỷ

²² Tỉnh đã nghiên cứu, chọn tạo giống lúa ĐH 815 - 6, QNg 11, QNg128, QNg 500, QNg 6, QNg 13...; chuyển giao một số con giống, tinh giống vật nuôi mới có giá trị như vịt biển; tinh bò giống Red August, 3B, Limousin, Droughmaster; sản xuất, ướp con giống thủy sản nước ngọt, nước mặn như: Ốc hương, tôm thẻ chân trắng, cua xanh, lươn đồng, cá bớp, cá trôi, cá thác lác cườm

²³ Đã tiến hành nghiên cứu, phục tráng giống lúa, thực hiện đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa cho các sản phẩm tỏi Lý Sơn, Quế Trà Bồng; nghiên cứu triển khai đồng bộ các biện pháp kỹ thuật trong chăn nuôi bò, trâu theo hướng thịt, nhằm khôi phục, cải tiến chất lượng đàn bò, trâu của tỉnh; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật từ khâu sản xuất con giống đến nuôi thương phẩm đối lươn, tôm sú, tôm càng xanh; triển khai thực hiện các chương trình nghiên cứu ứng dụng chế phẩm sinh học, sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ các nguồn nguyên liệu: rơm rạ...

²⁴ Tỏi Lý Sơn, Quế Trà Bồng, hành tím Bình Hải, cây ăn quả Nghĩa Hành...

²⁵ tại Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của UBND tỉnh.

đồng; trong đó, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 343,313 tỷ đồng; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 1.552,666 tỷ đồng (trừ 94,75 tỷ đồng hỗ trợ xã đặc biệt khó khăn bãi ngang ven biển thuộc Chương trình 30a); ngân sách địa phương 1.207,723 tỷ đồng và vốn huy động khác 812,594 tỷ đồng.

7. Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của các tổ chức chính trị - xã hội ở nông thôn

Các cấp ủy đảng, chính quyền đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 26; việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các đảng bộ, chi bộ cơ sở được xem là nhiệm vụ trọng tâm và xuyên suốt để đảng thực sự là hạt nhân lãnh đạo toàn diện hệ thống chính trị và toàn xã hội; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên được nâng lên, phong cách, lề lối làm việc được đổi mới. Chính quyền cơ sở được củng cố, kiện toàn, hoạt động quản lý, điều hành có trọng tâm, trọng điểm; đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ sở được chuẩn hóa, thường xuyên được bồi dưỡng nâng cao nhận thức chính trị, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ. Đến cuối năm 2020, trình độ cán bộ chủ chốt xã: Thạc sĩ 53 người (chiếm 1,39%); đại học 2.607 người (chiếm 68,26%); cao đẳng 94 người (chiếm 2,46%); trung cấp 959 người (chiếm 25,11%); sơ cấp và chưa qua đào tạo 106 người (chiếm 2,78%).

Công tác xây dựng lực lượng nòng cốt trong các phong trào quần chúng được chú trọng, xuất hiện nhiều mô hình, điển hình tiên tiến trên các lĩnh vực; việc cổ vũ, động viên được thực hiện kịp thời. Các cuộc vận động, các phong trào học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, cuộc vận động “Ngày vì người nghèo”, phong trào “Quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc”, phong trào “Quảng Ngãi chung sức xây dựng nông thôn mới”... góp phần phát huy tinh thần đoàn kết, ý thức xây dựng cộng đồng văn minh, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn ở nông thôn.

II. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

1. Về phát triển nông nghiệp

1.1. Tồn tại, hạn chế

Mặc dù giá trị sản xuất toàn ngành có tốc độ tăng trưởng ở mức cao nhưng cơ cấu kinh tế ngành chuyển dịch chậm, chưa rõ nét; phổ biến vẫn là sản xuất nhỏ, phân tán; phần lớn nông sản bán ra trên thị trường chủ yếu ở dạng thô, chưa qua chế biến nên giá trị gia tăng thấp. Công tác định hướng, dự báo thị trường cho nông dân chưa được chú trọng nên nhiều hộ nông dân sản xuất theo tập quán cũ, tình trạng được mùa, mất giá ở một số sản phẩm thường xảy ra (dưa hấu, ớt...). Tổ chức sản xuất theo hướng hợp tác, liên doanh, liên kết theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ còn nhiều hạn chế. Các doanh nghiệp, HTX tham gia đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông, lâm, thủy sản chưa nhiều; chưa tạo lập được mối liên kết trong sản xuất, thu mua, chế biến, tiêu thụ nông

sản để tạo ra chuỗi giá trị gia tăng; chưa xác định cây trồng, vật nuôi chủ lực của từng địa phương; hàng nông sản bị nhiễm độc có xu hướng tăng do sử dụng thuốc trừ sâu, chất cấm trong sản xuất, bảo quản và chế biến nông sản. Vốn đầu tư cho các chương trình, dự án còn thấp; một số công trình thủy lợi, thủy sản bị xuống cấp nhưng không được bố trí vốn để đầu tư, sửa chữa, nâng cấp kịp thời. Cảng cá, khu neo đậu trú bão tàu cá chưa đáp ứng nhu cầu neo đậu; dịch vụ hậu cần nghề cá chưa được đầu tư đồng bộ. Một số chính sách thu hút, hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, chính sách tích tụ ruộng đất... chưa được điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

1.2. Nguyên nhân

- Tình trạng sản xuất manh mún, phân tán ở nông hộ, sản xuất nhiều loại cây trồng trên cùng một diện tích, biến đổi khí hậu là một trong những trở ngại rất lớn quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Thường xuyên biến động giá cả thị trường về vật tư, nông sản nên các địa phương còn gặp nhiều khó khăn trong việc định hướng, xác định cây trồng, vật nuôi chủ lực để tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Nguồn lực đầu tư cho các chương trình dự án, nhất là cho Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới còn quá hạn hẹp, trong khi đó, nguồn vốn đầu tư thu hút từ các doanh nghiệp và các thành phần kinh tế khác không đáng kể đã ảnh hưởng đến khả năng hoàn thành các mục tiêu của Chương trình, Đề án đề ra.

- Việc tổ chức, thực hiện liên kết giữa doanh nghiệp với HTX và nông dân trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm còn thiếu chặt chẽ dẫn đến một số doanh nghiệp không thu mua sản phẩm như đã ký kết với nông dân.

- Nguồn nhân lực chất lượng cao cho sản xuất nông nghiệp còn thiếu và yếu; lao động trong độ tuổi giảm nhanh, tiến trình “già hóa” và “nữ hóa” ở nông thôn ngày càng tăng; tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo còn thấp... dẫn đến khả năng tiếp cận và áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp còn hạn chế, chất lượng sản phẩm sản xuất ra có tính cạnh tranh thấp.

2. Về xây dựng nông thôn

2.1. Tồn tại, hạn chế

- Phần lớn các HTX nông nghiệp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất²⁶, cơ sở vật chất nghèo nàn; vốn điều lệ thấp; thiếu vốn để hoạt động sản xuất kinh doanh; hoạt động còn đơn điệu, chưa năng động và chưa theo kịp với cơ chế thị trường,... Việc tiếp cận các nguồn vốn vay để phát triển sản xuất còn gặp nhiều khó khăn; trong khi đó, nhu cầu vốn đầu tư phát triển trang trại lớn, chi phí thức ăn trong chăn nuôi cao.

- Các trang trại gặp nhiều khó khăn về giao thông, điện, nước cho sản xuất và sinh hoạt; hệ thống xử lý chất thải của các trang trại chăn nuôi chưa

²⁶ Hiện nay, khoảng 40% HTX NN trên toàn tỉnh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

được đầu tư đầy đủ nên tình trạng ô nhiễm môi trường vẫn còn xảy ra ở một số nơi.

- Quá trình đô thị hóa ngày càng nhanh nên diện tích đất nông nghiệp ngày càng giảm; phần lớn sản phẩm nông nghiệp chưa đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

- Tỷ lệ tái nghèo vẫn còn cao, nhất là địa bàn các huyện miền núi. Việc huy động các nguồn vốn từ các chương trình, dự án và nguồn lực của nhân dân chưa thực hiện tốt. Một số địa phương chưa phát huy vai trò của người dân trong tham gia lập kế hoạch, tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát các hoạt động của Chương trình giảm nghèo.

- Thu nhập ở nông thôn tuy có tăng nhưng vẫn còn thấp, khoảng cách chênh lệch thu nhập giữa khu vực nông thôn – thành thị còn cao. Chất lượng một số dịch vụ thiết yếu ở nông thôn vẫn còn thấp so với đô thị (*dịch vụ y tế cơ sở, cung ứng vật tư, giống cho sản xuất*).

2.2. Nguyên nhân

- Xuất phát điểm của đa số các xã còn thấp, trong khi nguồn lực của Nhà nước, người dân và doanh nghiệp còn nhiều hạn chế; phần lớn người dân nông thôn trong tỉnh còn nhiều khó khăn, bình quân diện tích sản xuất/hộ thấp, thu nhập từ sản xuất nông nghiệp là không đáng kể, nguồn lực có hạn do đó việc tham gia đóng góp cho xây dựng nông thôn mới gặp nhiều khó khăn. Một số nội dung trong các tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới chưa phù hợp với điều kiện thực tế và phong tục tập quán của vùng miền núi, trong khi chuẩn nông thôn mới không thể hạ thấp.

- Một bộ phận cán bộ và nhân dân chưa nhận thức đầy đủ về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào ngân sách nhà nước; nhận thức xây dựng nông thôn mới chỉ là xây dựng cơ sở hạ tầng, chưa chú trọng kế hoạch phát triển kinh tế, thực hiện các nội dung về văn hóa, xã hội, môi trường và đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội; chưa lồng ghép hiệu quả các chương trình, dự án khác trên địa bàn với xây dựng nông thôn mới.

3. Về nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người dân nông thôn

3.1. Tồn tại, hạn chế

- Đời sống của người nông dân nhìn chung vẫn còn thấp, thu nhập chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp thuần túy; chênh lệch về thu nhập; đời sống của người nông dân ở vùng núi, vùng khó khăn chậm được cải thiện.

- Nông dân đang chịu nhiều thiệt thòi về mức hưởng thụ các dịch vụ công, đặc biệt về hạ tầng, văn hoá, giáo dục, y tế... so với thành thị.

- Nông dân thiếu việc làm, đối với làm nông nghiệp chủ yếu theo thời vụ; lao động chuyển việc làm sau khi thu hồi đất đang gặp không ít khó khăn.

3.2. Nguyên nhân

- Còn thiếu các chế tài đảm bảo quyền lợi cho người dân trong sản xuất, tiêu dùng và chia sẻ lợi ích; chính quyền cơ sở chưa giải quyết kịp thời những nguyện vọng chính đáng và xử lý dứt điểm những bức xúc trong dân; các quy định của Nhà nước để đảm bảo điều kiện cho người dân thực hiện vai trò làm chủ còn nhiều hạn chế.

- Một bộ phận nông dân có trình độ, nhận thức còn hạn chế, còn mang nặng tư duy sản xuất nhỏ lẻ, trông chờ, ỷ lại, chậm thích nghi với cơ chế mới; bản thân người nông dân thiếu tự.

- Các chương trình đào tạo nghề chưa sát với thực tiễn, chưa đáp ứng nhu cầu của người dân; nội dung đào tạo về kiến thức quản lý kinh tế còn thiếu; nông dân chưa phát huy hiệu quả nghề được đào tạo.

III. Bài học kinh nghiệm

1. Coi trọng công tác tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao nhận thức và hành động trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân; phát huy, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân thực hiện quyền làm chủ theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân chọn, dân làm, dân kiểm tra, giám sát và thụ hưởng”.

2. Đề cao vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu các ngành, các cấp. Công tác lãnh đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp phải chủ động, sáng tạo, quyết liệt; xây dựng chương trình và quy chế làm việc, phân công cá nhân, tập thể chịu trách nhiệm một loại việc và địa bàn cụ thể. Chú trọng công tác xây dựng và đào tạo đội ngũ cán bộ nòng cốt ở các cấp, nhất là cấp xã; thường xuyên quan tâm công tác cán bộ, giáo dục ý thức, phẩm chất người cán bộ, bồi dưỡng, đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới đủ năng lực, chủ động, sáng tạo, tâm huyết. Chú trọng việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, xây dựng mô hình điểm để nhân rộng; kịp thời khen thưởng những tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong xây dựng nông thôn mới.

3. Xây dựng nông thôn mới là quá trình liên tục, lâu dài, phải có bước đi, lộ trình thích hợp với điều kiện, nguồn lực của từng địa phương, tránh bệnh thành tích, nóng vội, chủ quan, duy ý chí. Có giải pháp duy trì, nâng cao các tiêu chí đã đạt và bảo đảm tính bền vững của từng tiêu chí.

4. Phải đa dạng hóa nguồn lực đầu tư, huy động nguồn lực từ cộng đồng. Vốn nhà nước đầu tư cho các công trình thiết yếu có sức lan tỏa, tạo động lực và niềm tin cho toàn xã hội và người dân tham gia. Khai thác, kết hợp lồng ghép nhiều nguồn vốn đầu tư, phải khơi dậy và huy động các nguồn lực trong dân; việc huy động nguồn lực trong dân phải phù hợp, khắc phục khuynh hướng trông chờ, ỷ lại vào ngân sách nhà nước cũng như huy động quá mức trong dân.

5. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, tạo bước đột phá cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả nông nghiệp. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giỏi, có tâm huyết trên

lĩnh vực nông nghiệp. Tập trung các giải pháp nâng cao trình độ dân trí, khả năng tiếp cận thích ứng của người dân trước sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, sự thay đổi nhanh chóng của cơ chế thị trường.

6. Cơ chế, chính sách đồng bộ, kịp thời, thể hiện rõ quyền quyết định của chủ thể là người dân. Cộng đồng dân cư phải trực tiếp tham gia, bàn bạc lựa chọn nội dung, công việc thực hiện, quyết định mức đóng góp và tổ chức thực hiện. Thủ tục đầu tư, hồ sơ thanh quyết toán nguồn vốn phải đơn giản, dễ thực hiện.

IV. Đánh giá chung

Qua 15 năm thực hiện nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo tinh thần Nghị quyết 26 đạt được những kết quả tích cực: Tốc độ tăng trưởng đạt ở mức khá và ổn định qua các năm; cơ cấu kinh tế ngành nông nghiệp chuyển dịch đúng hướng (nông nghiệp giảm, lâm nghiệp, thủy sản và dịch vụ tăng). Bước đầu đã đưa vào sản xuất một số giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng cao; chăn nuôi có sự chuyển dịch từ nhỏ lẻ sang nông trại, trang trại và liên kết trong quá trình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; thủy sản có sự chuyển biến tích cực, giảm số lượng tàu thuyền khai thác gần bờ, phát triển đội tàu khai thác xa bờ, sản lượng tăng hàng năm; phát triển rừng, nhất là phát triển rừng gỗ lớn để nâng cao giá trị từ gỗ được quan tâm.

Chương trình xây dựng nông thôn mới được người dân hưởng ứng tích cực, triển khai đạt nhiều kết quả; các nguồn vốn hỗ trợ cho nông dân sản xuất, góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn, thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, tăng thu nhập, cải thiện đời sống nông thôn, đảm bảo an sinh xã hội; công tác giảm nghèo ở nông thôn được quan tâm. Thực hiện phong trào “Quảng Ngãi chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau” đã khơi dậy ý chí vươn lên trong lao động sản xuất, thoát nghèo bền vững của một bộ phận người nghèo; hầu hết các hộ nghèo đều được tiếp cận và thụ hưởng các chính sách giảm nghèo của Nhà nước, có cơ hội nhiều hơn trong tiếp cận các dịch vụ sản xuất, tăng thu nhập. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn từng bước hoàn chỉnh theo quy hoạch, kế hoạch đề ra; đáp ứng ngày càng cao nhu cầu sản xuất và dân sinh, nhất là các loại hạ tầng thiết yếu (*giao thông, thủy lợi, điện, trường học, cơ sở vật chất văn hóa, trạm y tế*). An ninh trật tự, an toàn xã hội nông thôn tiếp tục được giữ vững.

Phần thứ ba

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VỀ NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2021 – 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

I. Dự báo tình hình

Toàn cầu hóa tiếp tục là xu thế lớn tác động đến quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa nông thôn, vừa là cơ hội, vừa là thách thức ảnh hưởng trực tiếp đến các chủ trương, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn của nước ta nói chung và Quảng Ngãi nói riêng. Trên thế giới, các nước ứng dụng các

phương pháp thông minh vào sản xuất nông nghiệp nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm; chiến tranh thương mại giữa các nền kinh tế lớn đang diễn biến phức tạp; cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra tác động mạnh mẽ trên nhiều phương diện; đại dịch Covid-19 bùng phát và lan rộng, buộc các quốc gia phải áp dụng các biện pháp phòng dịch, gây ra tình trạng gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu;... Cùng với đó là việc tham gia các hiệp định thương mại tự do với mức độ hội nhập sâu rộng và toàn diện nhất từ trước tới nay của Việt Nam. Xu hướng đó đòi hỏi nông nghiệp Việt Nam phải chấp nhận cạnh tranh và tuân thủ tiêu chuẩn thị trường trong cả ba lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường.

Ở trong nước, ngành nông nghiệp tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn: biến đổi khí hậu, lao động giản đơn, quy mô sản xuất nhỏ với lợi thế so sánh thấp, xuất khẩu ở dạng thô, giá trị thấp và lợi ích thu được không cao, nhiều mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao, sản xuất nông nghiệp hữu cơ... Trong bối cảnh tình hình trên, đặt ra yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn trong thời gian tới là nâng cao năng suất, chất lượng, sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa gắn với chuỗi giá trị, lấy thị trường làm cơ sở để định hướng sản xuất nông nghiệp phải thân thiện với môi trường. Nông thôn phát triển theo mô hình nông thôn mới, tiến đến nông thôn kiểu mẫu. Nông dân sinh hoạt trong các tổ chức nghề nghiệp như hội hay hợp tác xã; nông dân thông qua tổ chức của mình sẽ có mối liên hệ với cơ quan hoạch định chính sách, ngân hàng, hay liên kết dọc trong một nghiệp đoàn lớn hơn, nhằm tạo ra sự điều phối hiệu quả hơn trong sản xuất, tiêu thụ và kiểm soát chất lượng.

II. Quan điểm

1. Nông nghiệp, nông dân và nông thôn có vai trò hết sức quan trọng và có mối quan hệ mật thiết với nhau trong giai đoạn 2021 - 2030 tầm nhìn 2045; nông dân là chủ thể của quá trình phát triển; xây dựng nông thôn mới gắn với xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị theo quy hoạch là căn bản; phát triển toàn diện, hiện đại hóa nông nghiệp là then chốt. Đây là các nguồn lực xã hội, trước hết là lao động, đất đai, rừng và sông suối.

2. Các vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn phải được giải quyết đồng bộ, phải dựa trên cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng lĩnh vực; phát huy cao nội lực; giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; trước hết, phải khơi dậy tinh thần yêu nước, tự chủ, tự lực tự cường vươn lên của nông dân. Xây dựng xã hội nông thôn ổn định, hoà thuận, dân chủ, có đời sống văn hoá phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc, tạo động lực cho phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân.

3. Để phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, cần tiếp tục thực hiện ba nhiệm vụ có tính trụ cột, đó là: đẩy mạnh thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản

xuất, dân sinh thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu.

4. Chuyển mạnh từ phát triển theo chiều rộng sang nâng cao chất lượng, hiệu quả để đạt được các mục tiêu nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống của người dân.

5. Thu hút, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư mạnh vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn để phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp chế biến và dịch vụ nông nghiệp.

III. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

- Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện, bền vững, sản xuất hàng hoá lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, góp phần bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia. Đẩy mạnh phát triển nền nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, gắn với phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thích ứng với biến đổi khí hậu và kết nối bền vững với chuỗi giá trị nông sản.

- Xây dựng nông thôn mới để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, tạo sự chuyển biến nhanh hơn ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, các xã nghèo; đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đáp ứng được yêu cầu phát triển; nâng cao trình độ dân trí, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật - công nghệ vào sản xuất để nâng cao giá trị nông sản, tăng thu nhập cho nông dân.

2. Mục tiêu cụ thể tới năm 2025

Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 – 2025; Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của UBND tỉnh xác định một số chỉ tiêu cụ thể sau:

2.1. Nông nghiệp

Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp giai đoạn 2020 - 2025: 4% - 5%/năm. Giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản (giá so sánh năm 2010): 20.370 tỷ đồng; giá trị sản xuất bình quân trên 01 ha đất canh tác nông nghiệp 100 triệu đồng. Tỷ lệ độ che phủ rừng ổn định 52%.

2.2. Nông dân

- Đến năm 2025, tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội dưới 37%; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề nghề khoảng 55%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 80-85%; tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm bình quân từ 1% - 2%/năm (trong đó: miền núi giảm từ 4 – 4,5%/năm).

- Đến năm 2025, 100% dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh, trong đó có 75% sử dụng nước sạch. Mỗi năm đào tạo cho 3.000 người lao động nông thôn, người khuyết tật, thợ thủ công, thợ lành nghề, người lao động khi Nhà nước thu hồi đất gắn với nhu cầu của thị trường lao động (1.000 người học

nghe nông nghiệp, 2.000 người học nghề phi nông nghiệp). Sau khi học nghề, đảm bảo 90% số người học nghề có việc làm mới.

2.3. Nông thôn

Phấn đấu đến năm 2025, có 119 xã và 06 huyện đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới. Bình quân số tiêu chí/xã: 18,25 tiêu chí; không còn xã <15 tiêu chí. Phấn đấu có $\geq 50\%$ số thôn thuộc các xã khó khăn khu vực miền núi được công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới. Có 90% đường xã được nhựa hóa, cứng hóa, trong đó 50% các tuyến đường được bảo trì hàng năm. Có khoảng 95% xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, trong đó vững mạnh toàn diện diện 65%; ít nhất 80% số xã, phường, thị trấn, cơ quan, nhà trường đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự.

IV. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

1. Đẩy mạnh tái cơ cấu, phát triển nông nghiệp toàn diện, theo hướng hiện đại

- Triển khai thực hiện thành công Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025 theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững với các nội dung chủ yếu như: đẩy mạnh tích tụ ruộng đất, phát triển nhanh các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn; ứng dụng cơ giới hóa vào sản xuất; áp dụng quy trình thực hành sản xuất đồng bộ; đầu tư thiết bị, công nghệ hiện đại trong bảo quản, chế biến sau thu hoạch nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng sức cạnh tranh của hàng hóa.

- Tập trung phát triển kinh tế nông nghiệp, trọng tâm là phát triển mạnh sản xuất sản phẩm hàng hóa chủ lực; gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ, nâng cao giá trị gia tăng; đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, tăng mạnh các hình thức hợp tác liên doanh, liên kết, xây dựng liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; đa dạng hóa trong phát triển sản xuất theo hướng hiện đại, bền vững, tăng mạnh sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nâng cao chất lượng, tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm.

- Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế chính sách về phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới phù hợp với chủ trương tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích các doanh nghiệp liên kết, sản xuất theo chuỗi giá trị, nhân rộng mô hình liên kết 4 nhà “Nhà nông – Nhà nước – Nhà khóa học – Nhà doanh nghiệp” phát triển sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực của tỉnh tạo bước chuyển toàn diện về phát triển nông nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Có chính sách hỗ trợ mô hình sản xuất nhỏ áp dụng kỹ thuật và công nghệ phù hợp cho hộ nông dân để hạn chế dịch bệnh, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tăng khả năng cạnh tranh của hàng hóa; có cơ chế hỗ trợ người nghèo tham gia chuỗi giá trị.

- Đẩy mạnh chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ về giống, công nghệ sinh học; quan tâm đào tạo, thu hút nguồn nhân lực, tạo bước đột phá để hiện đại hóa nông nghiệp, công nghiệp hóa nông thôn; đổi mới cơ chế chính sách về khoa học công nghệ tạo điều kiện thuận lợi để huy động sự tham

gia của các tổ chức, cá nhân nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ, xã hội hóa công tác nghiên cứu chuyển giao khoa học công nghệ, tăng cường vai trò của doanh nghiệp trong chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp.

- Huy động các nguồn lực, thúc đẩy hợp tác công tư trong sản xuất nông nghiệp; phát triển chuỗi giá trị ngành hàng theo hình thức Nhà nước hướng dẫn và hỗ trợ cung ứng các dịch vụ công, các doanh nghiệp tổ chức sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng sản phẩm.

2. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, tạo việc làm và thu nhập tại chỗ cho dân cư nông thôn

- Đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ ở nông thôn; có chính sách khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nhất là chế biến nông, lâm, thủy sản và liên kết với nông dân trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; hình thành các cụm tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, dịch vụ.

- Ưu tiên thực hiện các giải pháp tạo động lực phát triển sản xuất, kinh doanh, phát triển đa dạng ngành nghề phi nông nghiệp, tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động ở nông thôn.

- Phát triển công nghiệp chế biến, công nghiệp thu hút nhiều lao động ở nông thôn.

3. Xây dựng nông thôn mới văn minh, hiện đại gắn với đô thị hóa; phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn; cải thiện nhanh điều kiện sống ở các vùng nông thôn.

- Hoàn thiện cơ chế chính sách tập trung phát triển hệ thống hạ tầng cơ bản ở nông thôn như: Lồng ghép các chương trình, dự án khác trên địa bàn với chương trình xây dựng nông thôn mới; chính sách huy động, quản lý, sử dụng nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước, nhất là huy động từ dân... Nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực đầu tư thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục cụ thể hóa tiêu chí của Trung ương phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, góp phần thúc đẩy sản xuất nông nghiệp toàn diện, bền vững, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân.

- Quan tâm đầu tư nâng cao chất lượng y tế, giáo dục, văn hóa. Mở rộng và đa dạng các hình thức liên kết đào tạo cán bộ y tế cấp cơ sở; thực hiện hiệu quả các chính sách thu hút cán bộ y tế, nhất là thu hút các cán bộ có chuyên môn giỏi cho huyện, xã; đầu tư trang thiết bị cho tuyến y tế cơ sở và y tế dự phòng để thực hiện hiệu quả các chương trình y tế cộng đồng và chủ động phòng, chống dịch bệnh. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên gắn với đổi mới công tác quản lý và đổi mới phương pháp dạy học đúng định hướng và quy hoạch phát triển nguồn nhân lực. Xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao để đẩy mạnh, nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, bài trừ hủ tục, tệ nạn xã hội, bảo đảm an ninh nông thôn.

- Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với công tác bảo vệ và cải thiện môi trường nông thôn, ngăn chặn tình trạng ô nhiễm môi trường nông thôn do hoạt động phát triển kinh tế và đô thị hóa. Chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia tuyên truyền, vận động tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới, bảo vệ môi trường, thay đổi tập quán chăn nuôi, phải có hầm Biogas đảm bảo không gây mùi hôi thối, cải táng mô mã trong vườn, khu dân cư về nghĩa địa tập trung của địa phương; tăng cường quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện đúng quy định về bảo vệ môi trường, quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. Khi triển khai các dự án có khả năng tác động môi trường phải tiến hành đánh giá tác động môi trường, tuyệt đối không đánh đổi ô nhiễm môi trường để lấy các dự án đầu tư phát triển kinh tế.

4. Nâng cao thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần của dân cư, đảm bảo công bằng xã hội ở nông dân

- Nâng cao chất lượng lao động nông nghiệp, đào tạo nghề, hỗ trợ khởi nghiệp, phát triển kinh doanh, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập của cư dân nông thôn:

+ Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo trong công tác tuyên truyền, tư vấn, hướng nghiệp, đáp ứng nhu cầu thực tế của địa phương, phù hợp với chính sách phát triển kinh tế vùng miền. Chú trọng công tác tư vấn học nghề, chọn nghề, định hướng phát triển nghề, vay vốn, giải quyết việc làm sau học nghề, góp phần thực hiện hiệu quả đào tạo nghề.

+ Điều tra, khảo sát, dự báo nhu cầu dạy nghề cho lao động nông thôn: Xác định danh mục nghề đào tạo, nhu cầu học nghề, nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo nghề (số lượng, chất lượng, cơ cấu) của doanh nghiệp.

+ Khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ tham gia đào tạo nghề và tạo việc làm cho lao động nông thôn; huy động cán bộ kỹ thuật, nông dân sản xuất giỏi, nghệ nhân, thợ giỏi tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn và coi đây là những lực lượng nòng cốt trong công tác dạy nghề tại địa phương.

+ Nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ sở dạy nghề lao động nông thôn, gắn đào tạo nghề với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và đào tạo theo nhu cầu người lao động học nghề xong phải có việc làm phù hợp.

- Về giảm nghèo bền vững và đảm bảo an sinh xã hội ở nông thôn:

+ Tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách, dự án giảm nghèo của Trung ương, hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo, hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo bền vững. Nghiên cứu, áp dụng cách tiếp cận “giảm nghèo theo địa chỉ” theo cách thức xây dựng đề án, kế hoạch gắn với mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo với các nhóm yếu thế đặc thù (như hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo do phụ nữ làm chủ, hộ nghèo thuộc đối tượng chính sách người có công...); trên cơ sở đó, phân bổ nguồn lực cho phù hợp với mục tiêu đã xác định.

+ Đẩy mạnh tuyên truyền mục tiêu giảm nghèo sâu rộng đến các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân và người nghèo nhằm nâng cao nhận thức trong giảm nghèo, khơi dậy ý chí chủ động, tự vươn lên thoát nghèo bằng chính nỗ lực của bản thân và hỗ trợ của Nhà nước. Thường xuyên theo dõi, định kỳ đánh giá tác động của chính sách giảm nghèo, gắn trách nhiệm của đối tượng được hỗ trợ với hiệu quả thực hiện chính sách hỗ trợ.

- Đảm bảo an sinh xã hội: Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ đối với đối tượng bảo trợ xã hội, người có công, người nghèo. Hỗ trợ kịp thời cho vùng bị thiên tai, dịch bệnh để ổn định sản xuất, đời sống người dân. Tăng cường chất lượng dịch vụ y tế, giáo dục, hỗ trợ bảo hiểm y tế cho người nghèo, gia đình chính sách... Thực hiện bình ổn giá cả các mặt hàng đảm bảo phúc lợi của người dân.

5. Nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, quản lý thiên tai, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, vận động quần chúng nhân dân, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ tại địa bàn khu vực nông thôn nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, ý thức thực hiện, chấp hành nghiêm quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, sản xuất, kinh doanh tại các làng nghề...

- rà soát các quy định hiện hành để bổ sung, sửa đổi, khắc phục các hạn chế, bất cập trong bảo vệ môi trường nông thôn.

- Tập trung giải quyết triệt để tình trạng ô nhiễm môi trường tại các cơ sở sản xuất ở khu vực nông thôn, ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật và tại các điểm tồn lưu ô nhiễm. Đổi mới, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ sản xuất, đầu tư hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn, chất thải sinh hoạt nông thôn, chất cấm trong sản xuất nông nghiệp.

- Tăng cường bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng. Duy trì các hệ sinh thái rừng phòng hộ, cảnh quan, vùng sinh quyển (*các hồ chứa nước, sông suối*), quản lý tốt các hoạt động phát triển kinh tế trong khu vực tài nguyên. Kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp lấn chiếm, khai thác, xâm phạm trái phép rừng phòng hộ, cấm hoạt động săn bắt, tận diệt các nguồn đa dạng sinh học; bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- Tùy theo từng loại cây trồng, bố trí phù hợp với khí hậu từng mùa vụ. Nghiên cứu và đưa vào canh tác những giống cây trồng mới, trên cơ sở thành tựu nghiên cứu lai tạo các giống cây trồng trong giới hạn cho phép, tiếp tục chọn tạo những giống mới có khả năng thích nghi với biến đổi khí hậu và thiên tai để đưa vào canh tác.

- Rà soát, xây dựng phương án phòng chống, giảm nhẹ thiên tai phù hợp với đặc điểm tình hình địa phương. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng, quản lý rủi ro thiên tai.

6. Đổi mới cơ chế, chính sách và tổ chức sản xuất gắn với xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nông thôn

- Tiếp tục ưu tiên dành vốn tín dụng cho khu vực nông nghiệp, nông thôn. Đổi mới cơ chế, thủ tục hành chính để tăng khả năng tiếp cận tín dụng cho nông dân và các đối tác kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; tập trung, ưu tiên vốn phục vụ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, hàng xuất khẩu, chế biến nông sản cho vay đối tượng nghèo, chính sách.

- Hội Nông dân, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh phối hợp với Trung tâm Khuyến nông tỉnh tổ chức các lớp tập huấn, các chương trình đào tạo trang bị kiến thức khoa học kỹ thuật, nâng cao năng lực quản trị, kinh doanh và khả năng xây dựng các dự án, phương án sản xuất, kinh doanh khả thi, hiệu quả cho các HTX, trang trại, các hộ nông dân; quan tâm thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức tín dụng, các tổ chức chính trị - xã hội và chính quyền địa phương hướng dẫn người dân cách xây dựng dự án vay vốn và sử dụng đồng vốn hợp lý, đảm bảo quản lý nợ và rủi ro, vốn cho vay phải gắn kết với các chương trình phát triển kinh tế của địa phương.

7. Đẩy mạnh tham gia cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; ứng dụng khoa học công nghệ vào nông nghiệp, nông thôn

- Tiếp tục chỉ đạo đổi mới cơ chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ, nhất là cơ chế đầu tư, tập trung huy động nguồn lực từ các doanh nghiệp và xã hội cho hoạt động khoa học và công nghệ, xác định doanh nghiệp là lực lượng chính, lấy doanh nghiệp làm trung tâm của việc nghiên cứu, phát triển, chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Chú trọng xây dựng, thực hiện các dự án, mô hình theo chuỗi giá trị, gắn kết chặt chẽ nguồn lực và trách nhiệm giữa nhà nước, nhà khoa học, doanh nghiệp và người dân; khai thác, phát huy mối liên kết bền vững trong việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hàng hóa nông sản có lợi thế với quy mô lớn.

- Mở rộng hợp tác nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng khoa học và công nghệ với bên ngoài; tranh thủ sự hỗ trợ của các bộ, ngành Trung ương, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh, thiết lập các kênh hợp tác phát triển khoa học và công nghệ, tạo điều kiện để các tổ chức, doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong tỉnh thực hiện hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ, trao đổi thông tin, cử cán bộ khoa học tham gia đào tạo, nghiên cứu tại nước ngoài, nhất là trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao.

- Hỗ trợ nông dân ứng dụng kỹ thuật công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp, nhất là nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ. Chú trọng tạo lập và phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho các sản phẩm chủ lực, đặc thù mang thương hiệu địa phương.

8. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước; đổi mới phương thức quản lý nhà nước đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn; phát huy vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp; phát huy dân chủ và vai trò của nông dân trong quá trình phát triển

- Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở; phát huy vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính theo hướng tinh gọn, minh bạch, công khai nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước. Tiếp tục tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động; khắc phục chồng chéo, trùng lặp chức năng nhiệm vụ. Xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, từng cấp ủy viên phụ trách địa bàn, lĩnh vực. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc giải quyết kịp thời các yêu cầu, kiến nghị chính đáng của nhân dân

- Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội ở nông thôn theo hướng đi sâu vào từng đối tượng, đa dạng các hình thức tập hợp nhân dân, vận động nhân dân tích cực phát triển sản xuất, kinh doanh, xoá đói, giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường của nông dân và dân cư nông thôn để vươn lên làm giàu cho chính mình và gia đình, góp phần xây dựng nông thôn ngày càng văn minh, hiện đại. Phát động các phong trào thi đua yêu nước; tuyên truyền, cổ vũ và nhân rộng các nhân tố điển hình tiên tiến.

- Kiện toàn ban chỉ đạo, tổ công tác của các cấp, các sở, ngành, chỉ đạo thống nhất từ tỉnh đến cơ sở, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát cơ sở, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

V. Kiến nghị với Trung ương

1. Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 yêu cầu cao (80% tổng số số xã đạt chuẩn NTM) và chủ yếu tập trung ở các xã khu vực miền núi. Các xã này còn rất nhiều khó khăn, số tiêu chí nông thôn mới bình quân/xã: 12/19 tiêu chí, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội còn nhiều yếu kém, trong khi nguồn thu ngân sách của tỉnh phụ thuộc nhiều vào nguồn thu Nhà máy lọc dầu Dung Quất, thiếu ổn định; tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh lại gặp nhiều khó khăn, do đó việc cân đối ngân sách tỉnh để đầu tư phát triển nói chung và đầu tư cho Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 nói riêng không đáp ứng được yêu cầu đề ra. Để tạo điều kiện cho tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 đạt được mục tiêu, kế hoạch đề ra, đề nghị Trung ương:

- Xem xét ưu tiên cho tỉnh Quảng Ngãi được tiếp tục hưởng cơ chế hỗ trợ từ ngân sách Trung ương thuộc nhóm: **“các địa phương nhận hỗ trợ từ ngân sách Trung ương với mức dưới 50%”** như giai đoạn 2016 - 2020.

- Tiếp tục duy trì chính sách hỗ trợ các chế độ an sinh xã hội đối với đồng bào các dân tộc thiểu số ở các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới khu vực miền núi, hải đảo để các xã này có động lực đạt, giữ vững và nâng cao chất lượng các tiêu chí, đặc biệt là Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

2. Quan tâm bố trí kinh phí thực hiện các dự án phi công trình và các dự án đầu tư, sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước bị hư hỏng, xuống cấp nặng; đầu tư kiên cố hóa hệ thống kênh mương bị hư hỏng, xuống cấp; tổ chức đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực quản lý, khai thác công trình thủy lợi và phòng, tránh, giảm nhẹ thiên tai trên địa bàn tỉnh.

3. Sớm ban hành quyết định đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi với suất đầu tư tương xứng tiềm năng phát triển của địa phương.

4. Quan tâm đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng tại các cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đã được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo tổng kết Nghị quyết 26-NQ/TW của BCHTW khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn (báo cáo),
- Ban cán sự đảng UBND tỉnh, UBND tỉnh,
- Ban Thường vụ các huyện, thị, thành ủy,
- Các đồng chí Ủy viên BTV Tỉnh ủy,
- CVP, PCVP Tỉnh ủy; P. Tổng hợp,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Bùi Thị Quỳnh Vân

